



THÔNG TIN

KINH TẾ | TÀI CHÍNH | TIỀN TỆ

Tổng quan 2025 - Triển vọng 2026



Kinh tế toàn cầu 2025: Tăng trưởng bền bỉ vượt qua bất ổn

Triển vọng thị trường tài chính toàn cầu 2026: Chính sách tiền tệ phân kỳ, chính sách tài khoá mở rộng thận trọng

Tăng trưởng tín dụng ngân hàng cao nhất trong 5 năm, góp phần quan trọng vào mục tiêu tăng trưởng GDP trên 8%

Việt Nam chính thức gia nhập nhóm 25 nền kinh tế có trị giá xuất nhập khẩu lớn nhất toàn cầu, xếp thứ 21 về xuất khẩu và 20 về nhập khẩu

LƯU HÀNH NỘI BỘ



<https://vnba.org.vn/>



(024) 382 187 33



HIỆP HỘI NGÂN HÀNG VIỆT NAM
VIETNAM BANK'S ASSOCIATION

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH

KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ 2025, TRIỂN VỌNG 2026

MỘT SỐ THÔNG TIN CHÍNH

Kinh tế - tài chính thế giới

- Kinh tế toàn cầu 2025: Tăng trưởng bền bỉ vượt qua bất ổn;
- Thị trường tài chính toàn cầu 2025: Chính sách tiền tệ thế giới phân cực; Vàng lên ngôi và USD suy yếu;
- Triển vọng kinh tế toàn cầu 2026: Tăng trưởng có sự phân hóa;
- Triển vọng thị trường tài chính toàn cầu 2026: Chính sách tiền tệ phân kỳ, chính sách tài khoá mở rộng thận trọng;
- Rủi ro lớn nhất với nền kinh tế toàn cầu 2026: Thuế quan và diễn biến địa chính trị.

Kinh tế - tài chính trong nước

- Việt Nam chính thức gia nhập nhóm 25 nền kinh tế có trị giá xuất nhập khẩu lớn nhất toàn cầu, xếp thứ 21 về xuất khẩu và 20 về nhập khẩu;
- Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025 ước đạt trên 2,65 triệu tỷ đồng, vượt 34,7% so với dự toán năm và tăng gần 30% so với năm trước;
- Tăng trưởng tín dụng ngân hàng cao nhất trong 5 năm, góp phần quan trọng vào mục tiêu tăng trưởng GDP trên 8%;
- Huy động vốn chậm lại, áp lực thanh khoản được dự báo sẽ còn kéo dài sang những tháng đầu năm 2026;
- Lợi nhuận ngân hàng gặp thách thức khi biên lãi thuần có xu thế thu hẹp;
- Đến cuối năm 2025, 100% ngân hàng thương mại đã triển khai ngân hàng số ở các mức độ khác nhau; trên 95% giao dịch của khách hàng cá nhân được thực hiện qua kênh số.

KINH TẾ - TÀI CHÍNH TOÀN CẦU 2025 & TRIỂN VỌNG 2026

Năm 2025 khép lại, đánh dấu một năm đầy biến động nhưng cũng “dẻo dai” đáng kinh ngạc của nền kinh tế toàn cầu. Vượt qua những dự báo ảm đạm về suy thoái đầu năm, thế giới kết thúc năm 2025 với những kỷ lục mới về tăng trưởng tại Mỹ, sự bùng nổ của giá vàng và những tín hiệu đảo chiều chính sách quan trọng, đề hướng đến năm 2026 được dự báo tiếp tục "tăng trưởng bền bỉ" dù sẽ đối mặt không ít rủi ro.

1. KINH TẾ TOÀN CẦU 2025

Kinh tế thế giới năm 2025 được định hình bởi sự phân hóa sâu sắc giữa các nền kinh tế lớn. Trong khi Mỹ tiếp tục bứt phá, Trung Quốc và Châu Âu lại phải nỗ lực tìm lại đà tăng trưởng qua các con đường khác nhau.

Dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu 2025

Tổ chức dự báo	GDP toàn cầu 2025 (%)	Lạm phát toàn cầu 2025 (%)	Đánh giá chung
IMF	3,2	4,2	Nâng nhẹ so với dự báo so với giữa năm. Kinh tế thế giới tránh được suy thoái nhưng tăng trưởng thấp hơn mức trung bình lịch sử. Mỹ là động lực chính; Trung Quốc ổn định nhờ xuất khẩu.
WB	2,7	4,0	Cảnh báo về giai đoạn "tăng trưởng thấp kéo dài" do rào cản thương mại và căng thẳng địa chính trị. Các nước đang phát triển gặp khó khăn trong việc thu hẹp khoảng cách thu nhập.
OECD	3,2	3,4 (G20)	Tăng trưởng hạ nhiệt dần vào cuối năm. Thương mại toàn cầu chịu áp lực từ thuế quan. Dự báo năm 2026 sẽ chậm lại còn 2.9%.
Morgan Stanley	3,0	3,1	Mức tăng trưởng "vừa phải". Tiêu dùng và chi tiêu vốn vẫn tốt nhưng thị trường lao động bắt đầu hạ nhiệt. Lạm phát tiếp tục xu hướng giảm.
Goldman Sachs	3,2	3,3	Nhấn mạnh sự "kiên cường". Dù tập trung vào triển vọng sáng sủa của 2026 (2.8%), 2025 là năm nền kinh tế hấp thụ tốt các cú sốc lãi suất và thương mại.
Fitch Ratings	2,5	3,4	Hạ dự báo do tác động trễ của chính sách tiền tệ thắt chặt và rủi ro thuế quan từ Mỹ. Tuy nhiên, ghi nhận sự bùng nổ đầu tư vào AI giúp bù đắp phần nào.

(Dự báo các tổ chức đưa ra trong quý III và IV/2025)

1.1. Mỹ: Tăng trưởng mạnh

Nền kinh tế Mỹ đã chứng minh sức mạnh nội tại vượt trội. Bất chấp lãi suất duy trì ở mức cao trong phần lớn thời gian của năm, GDP Quý III/2025 của Mỹ vẫn đạt mức tăng trưởng 4,3%. Động lực chính đến từ chi tiêu tiêu dùng mạnh mẽ, giúp xóa tan lo ngại suy thoái.

Dữ liệu tín dụng cũng củng cố cho sự lạc quan này. Tính đến tháng 11/2025, dư nợ cho vay thương mại và công nghiệp tại Mỹ tăng lên 2.698,75 tỷ USD (so với 2.692,52 tỷ USD của tháng trước), cho thấy khu vực tư nhân vẫn tự tin vay vốn để mở rộng sản xuất.

1.2. Trung Quốc: Sự phục hồi không đồng đều

Trung Quốc kết thúc năm 2025 với một nghịch lý: Sản xuất phục hồi nhưng nhu cầu tín dụng nội địa chậm chạp.

Tín hiệu tích cực: Chỉ số PMI sản xuất tháng 12/2025 đã mở rộng trở lại lần đầu tiên kể từ tháng 3, cho thấy hoạt động sản xuất đang có xu thế nhộn nhịp trở lại.

Điểm nghẽn: Tuy nhiên, niềm tin tiêu dùng và đầu tư tư nhân vẫn yếu. Tăng trưởng dư nợ cho vay bằng đồng Nhân dân tệ chỉ đạt 6,4% trong tháng 11/2025 - mức thấp kỷ lục kể từ năm 1998.

TỔNG HỢP CÁC CHỈ SỐ VĨ MÔ CHÍNH CÁC NỀN KINH TẾ LỚN (đến tháng 12/2025)

Chỉ số	Mỹ	Trung Quốc	Khu vực Euro	Nhật Bản
GDP (Q3/2025)	+4,3%	+4,8% Ổn định	+1,4% Phục hồi chậm	+1,1% Thu hẹp nhẹ
PMI sản xuất (T12/2025)	Mở rộng	Mở rộng (lần đầu từ T3/2025)	Thu hẹp	Ổn định
Tăng trưởng tín dụng (T11/2025)	Tăng nhẹ (Dư nợ 2.700 tỷ USD)	+6,4% (Thấp kỷ lục 27 năm)	+3,4% (Khu vực tư nhân)	+4,2% (Cao nhất từ 2021)
Xu hướng lãi suất	Chu kỳ giảm (Dù kinh tế mạnh)	Giữ nguyên/Hỗ trợ	Giảm lãi suất	Điều chỉnh tăng (Cao nhất 30 năm)

1.3. Khu vực EURO và Nhật Bản: Dấu hiệu đảo chiều dòng vốn

Tại Châu Âu, dù hoạt động sản xuất vẫn còn thu hẹp, nhưng tình hình tài chính, tiền tệ đã bắt đầu lưu thông mạnh mẽ nhờ chính sách nới lỏng. Tín dụng hộ gia đình tại Eurozone tăng 2,9% (mức cao nhất từ tháng 3/2023) và tín dụng doanh nghiệp tăng 3,1% vào tháng 11/2025.

Nhật Bản đi ngược xu hướng thế giới khi tăng lãi suất lên mức cao nhất 30 năm. Tuy nhiên, nền kinh tế lại phản ứng tích cực: Hoạt động cho vay ngân hàng tăng tốc 4,2% trong tháng 11/2025 - mức nhanh nhất kể từ tháng 4/2021, cho thấy nền kinh tế Nhật Bản đang thực sự thoát khỏi giảm phát.

2. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH TOÀN CẦU 2025: NĂM CỦA VÀNG VÀ SỰ SUY YẾU CỦA USD

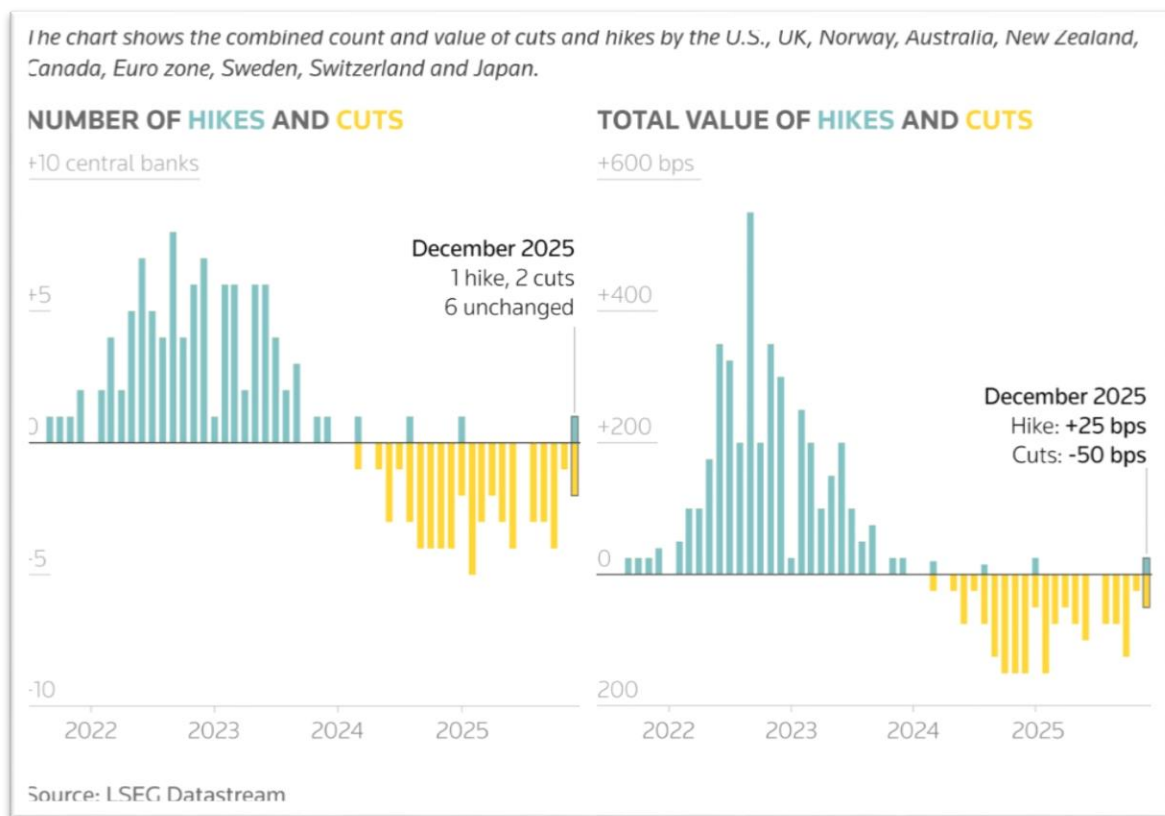
Năm 2025 ghi nhận những biến động lịch sử trên thị trường tài chính, phản ánh tâm lý phòng thủ của giới đầu tư trước các bất ổn địa chính trị.

2.1. Động thái chính sách các ngân hàng trung ương lớn

Trong năm 2025, đã có sự chuyển dịch mạnh chính sách tiền tệ toàn cầu. Trong khi các ngân hàng trung ương (NHTW) lớn đã thực hiện cắt giảm lãi suất trong năm 2025 với tốc độ và quy mô nhanh nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính 2008, thì việc nới lỏng chính sách tiền tệ ở các quốc gia đang phát triển cũng tăng tốc.

Chín trong số các NHTW giám sát 10 loại tiền tệ được giao dịch nhiều nhất đã hạ lãi suất cơ bản trong năm 2025, gồm Fed, ECB và các NHTW các nước Anh, Úc, New Zealand, Canada, Thụy Điển, Na Uy và Thụy Sĩ, với mức nói lỏng chính sách tiền tệ tổng cộng lên tới 850 điểm cơ bản thông qua 32 lần cắt giảm lãi suất trong năm nay - đây là số lần cắt giảm lớn nhất kể từ năm 2008 và quy mô nói lỏng lớn nhất kể từ năm 2009.

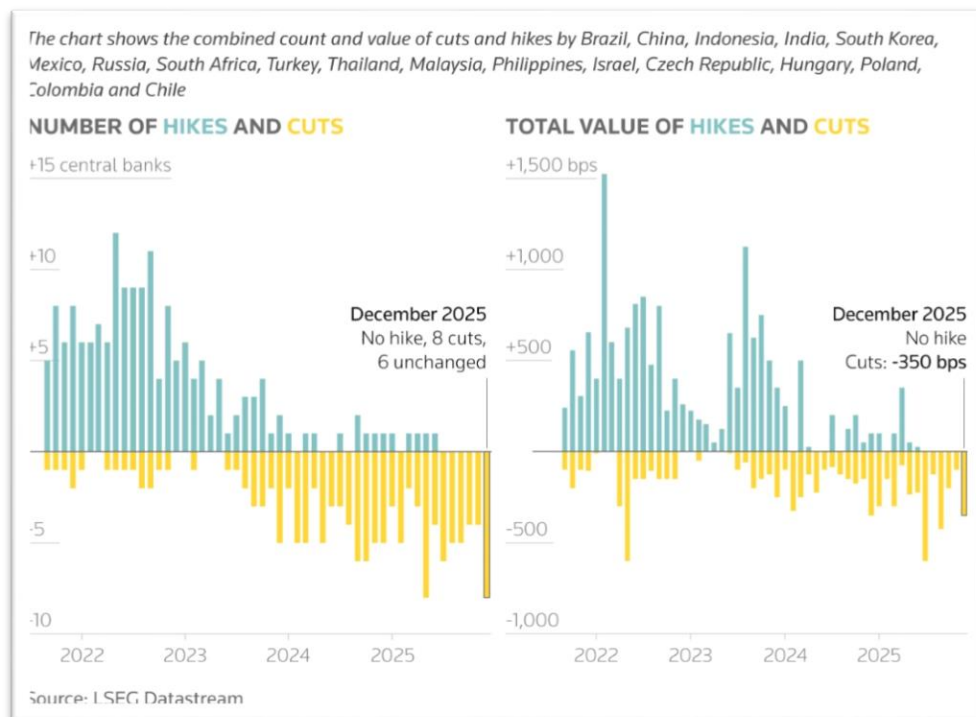
Điều chỉnh lãi suất ở các thị trường phát triển



Còn tại các quốc gia đang phát triển, việc cắt giảm lãi suất vẫn diễn ra nhanh, mạnh đến tận tháng cuối năm 2025. Có 14/18 nền kinh tế đang phát triển (được Reuters khảo sát) có NHTW tổ chức họp chính sách trong tháng cuối cùng của năm và 8 NHTW trong đó đã thực hiện cắt giảm 350 điểm cơ bản (gồm Thổ Nhĩ Kỳ, Nga, Ấn Độ, Mexico, Thái Lan, Philippines, Ba Lan và Chile). Đợt cắt giảm mới nhất này đã nâng tổng số lần cắt giảm lãi suất trong năm 2025 tại các nền kinh tế mới nổi lên 3.085 điểm cơ bản thông qua 51 lần điều chỉnh - vượt xa con số 2.160 điểm cơ bản được thực hiện trong năm 2024 và là nỗ lực nói lỏng lớn nhất kể từ năm 2021.

Fed hạ lãi suất để đối phó với rủi ro tăng trưởng chậm và rủi ro suy thoái định hướng lao động – lạm phát đã giảm đáng kể so với giai đoạn trước 2025; NHTW Trung Quốc (PBoC) giữ lập trường nói lỏng hơn và cam kết hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc và cắt lãi suất kéo sang năm 2026 để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nội địa. Riêng NHTW Nhật Bản (BOJ) đã kết thúc giai đoạn nói lỏng kéo dài và tăng lãi suất 2 lần lên mức cao nhất trong nhiều năm để ứng phó với lạm phát.

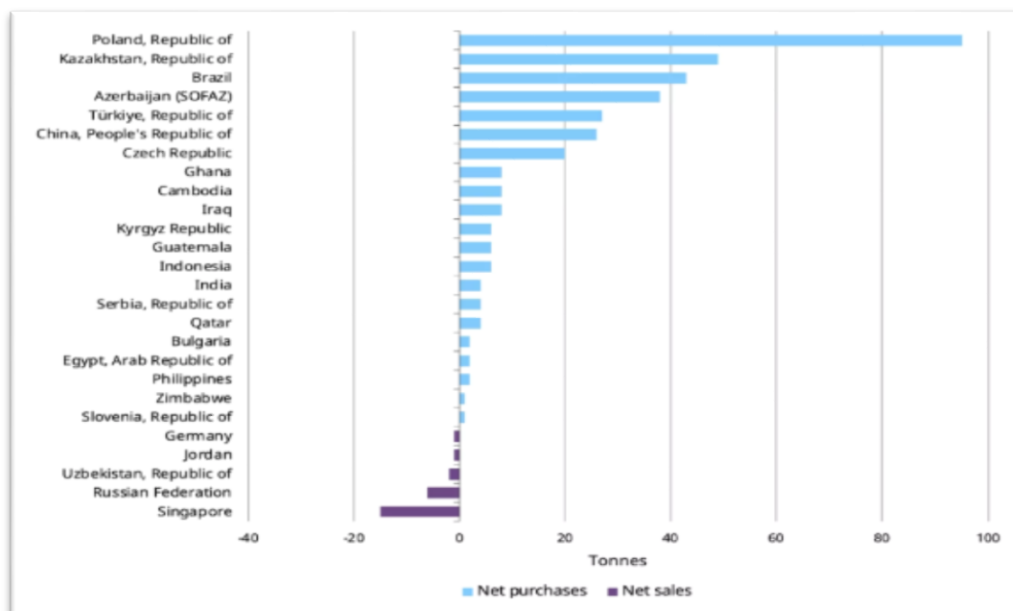
Điều chỉnh lãi suất ở các thị trường đang phát triển



2.2. Cơ sở vàng và hàng hóa

Vàng là tài sản gây chú ý nhất của năm 2025 với mức tăng giá gây sốc lên tới 70%. Động lực chính không chỉ đến từ nhà đầu tư cá nhân mà còn từ làn sóng mua ròng của các ngân hàng trung ương lớn. Các quốc gia đã bổ sung gần 2.000 tấn vàng vào kho dự trữ, mức cao nhất trong gần 25 năm qua.

Các quốc gia vẫn tiếp tục mua vào vàng dự trữ



Nguồn: Kitco, tháng 12/2025

Trái ngược với vàng, thị trường năng lượng hạ nhiệt, trong khi kim loại công nghiệp lại nóng lên.

2.3. Sự dịch chuyển của tiền tệ và trái phiếu

Đồng USD trải qua một năm đầy sóng gió, đồng USD, khép lại năm kém nhất trong hơn hai thập kỷ với mức giảm khoảng 9% của chỉ số DXY so với đầu năm, tạo lực hỗ trợ cho thị trường tài sản rủi ro nhưng cũng tăng rủi ro ngoại tệ tại các thị trường mới nổi.

Diễn biến DXY trong năm 2025



Nguồn: Tradingeconomics

Thị trường trái phiếu toàn cầu bùng nổ với tổng giá trị phát hành đạt 4,5 nghìn tỷ USD, đánh dấu năm tốt thứ hai trong lịch sử. Điều này cho thấy nhu cầu huy động vốn dài hạn của các chính phủ và doanh nghiệp đang ở mức rất cao.

2.4. Thị trường chứng khoán toàn cầu

Điểm nổi bật của thị trường chứng khoán toàn cầu trong năm 2025 là sự biến động mạnh nhưng vẫn tăng trưởng tổng thể. Nhiều chỉ số lớn trên thế giới ghi nhận mức tăng đáng kể bất chấp các yếu tố bất ổn kinh tế – chính trị và lạm phát dai dẳng.

Xu hướng dẫn đầu theo khu vực, trong đó khu vực châu Á (đặc biệt là thị trường A-share Trung Quốc) có hiệu suất vượt thị trường Mỹ trong năm này, lần đầu tiên A-share vượt trội hơn các chỉ số Mỹ. Canada ghi nhận là một trong những thị trường tăng mạnh nhất thế giới trong năm 2025. Cổ phiếu công nghệ và các ngành gắn liền với AI/đám mây/dữ liệu tiếp tục dẫn dắt, đặc biệt nhóm lưu trữ dữ liệu tăng rất mạnh tới mức 200% đối với một số cổ phiếu lớn.

Biến động các chỉ số chứng khoán lớn năm 2025



3. TRIỂN VỌNG KINH TẾ TOÀN CẦU 2026: BỀN BỈ VƯỢT QUA BẤT ỔN

Bước sang năm 2026, tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ tiếp tục đà hồi phục, nhưng tính chất của sự tăng trưởng sẽ thay đổi khi thế giới bước vào giai đoạn chuyển đổi quan trọng, khi các tác động của chính sách tiền tệ thắt chặt dần được tháo gỡ nhưng lại đối mặt với những bất định mới về địa chính trị và rào cản thương mại.

3.1. Dự báo vĩ mô: Lạc quan thận trọng

- **Tăng trưởng kinh tế bền bỉ nhưng phân hóa**

Tăng trưởng các nền kinh tế lớn sẽ có sự phân hóa mạnh. Trong khi kinh tế Mỹ được kỳ vọng sẽ duy trì sự ổn định nhờ các gói kích thích tài khóa và công nghệ AI, thì Trung Quốc và EU lại đối mặt với đà giảm tốc do tiêu dùng nội địa yếu (Trung Quốc) và chi phí năng lượng cùng sự già hóa dân số (EU).

Hầu hết các tổ chức (đặc biệt là IMF và WB) đều đưa ra cảnh báo đỏ về áp lực từ chủ nghĩa bảo hộ với việc gia tăng các rào cản thương mại và thuế quan. Đây là lý do chính khiến dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2026 có phần thấp hơn hoặc chỉ đi ngang so với năm 2025. Đáng chú ý, dưới góc độ thị trường, Goldman Sachs và Bank of America lại đưa ra nhận định lạc quan rằng kinh tế toàn cầu năm 2026 sẽ tăng trưởng bền bỉ và nhanh hơn kỳ vọng với động lực mới từ công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI) - được dự báo như một nhân tố thúc đẩy năng suất lao động trong trung hạn, giúp ngăn chặn một kịch bản suy thoái sâu toàn cầu nếu có.

Dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu 2025-2026

Tổ chức	Dự báo năm 2025 (Cập nhật Q4/2025)	Dự báo năm 2026 (Cập nhật 12/2025 - 01/2026)	Xu hướng chủ đạo
IMF	3,2%	3,1%	Tăng trưởng dưới mức tiềm năng; rủi ro bảo hộ thương mại gia tăng.
WB	2,7%	2,4% - 2,5%	Dự báo thận trọng nhất; lo ngại về "thập kỷ tăng trưởng chậm".
OECD	3,2%	2,9%	Tín hiệu chậm lại rõ rệt tại các nền kinh tế phát triển (Mỹ, Nhật).
UNCTAD	2,6%	2,6%	Tăng trưởng "dậm chân tại chỗ"; kỳ vọng vào cú hích từ AI và công nghệ.
Goldman Sachs	3,2%	2,8%	Lạc quan về sức mạnh của kinh tế Mỹ nhờ cắt giảm thuế và nới lỏng tài chính.
Morgan Stanley	3,0%	3,2%	Kỳ vọng phục hồi vào nửa cuối năm 2026 khi đầu tư tư nhân tăng mạnh.
Mastercard Economics Institute	3,2%	3,1%	Tiêu dùng duy trì ổn định nhưng áp lực nợ vay vẫn là rào cản.

- Chính sách tiền tệ của các NHTW lớn có sự phân kỳ**

Chính sách tiền tệ toàn cầu sẽ bước vào giai đoạn hậu nới lỏng và có sự phân kỳ.

Fed nhiều khả năng tiếp tục giảm lãi suất trong nửa đầu 2026, định hướng hỗ trợ tăng trưởng – đặc biệt nếu dữ liệu lao động/lạm phát hạ nhiệt, tạo môi trường thanh khoản thuận lợi cho các thị trường mới nổi.

ECB và BoE được dự báo ổn định lãi suất, giữ quan điểm kiểm soát lạm phát và thận trọng trong điều kiện tăng trưởng EU chưa đồng đều.

BoJ có thể tiếp tục tăng lãi suất thêm nếu lạm phát và kỳ vọng lạm phát bền vững cao hơn mục tiêu.

PBoC kiên định với quan điểm tiếp tục tăng cường các điều chỉnh ngược/lệch chu kỳ, nhằm thúc đẩy nhu cầu nội địa, cải thiện nguồn cung và giảm thiểu rủi ro tài chính để hỗ trợ tăng trưởng ổn định, tạo nền tảng vững chắc cho kế hoạch 5 năm mới.

Có thể 2026 sẽ chứng kiến sự phân kỳ sâu hơn trong chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế lớn, khi mà các NHTW lớn tìm cách cân bằng giữa hỗ trợ tăng trưởng và kiểm soát lạm phát – một tình huống sẽ khiến biến động tài sản rủi ro, tỷ giá và lãi suất trái phiếu tiếp tục là tâm điểm thị trường.

- Chính sách tài khóa các nền kinh tế lớn mở rộng thận trọng**

Sang năm 2026, xu thế chính sách tài khóa trên toàn cầu sẽ là “yếu tố dẫn dắt” tăng trưởng khi chính sách tiền tệ không còn nhiều dư địa mở rộng mạnh – nhất là tại các nền kinh tế lớn khi lãi suất đã gần chạm sàn và dư địa chính sách tiền tệ không còn nhiều.

Mỹ và Trung Quốc tập trung mạnh vào giảm thuế và đầu tư công trọng yếu, phản ánh nhu cầu kích thích tăng trưởng trong bối cảnh kinh tế thế giới chậm lại. Dự báo thâm hụt ngân sách Mỹ sẽ giảm nhẹ khi

nguồn thu thuế tăng, nhưng vẫn ở mức cao ($>6\%$ GDP). Do đó, chính sách tài khóa tiếp tục mở rộng theo hướng hỗ trợ đầu tư và tiêu dùng, tập trung vào giảm thuế, thúc đẩy chi tiêu cơ sở hạ tầng và kỹ thuật số – điều chỉnh nhằm tránh thất chặt quá sớm khi tăng trưởng vẫn còn yếu tố rủi ro. Điều này phản ánh chính sách tài khóa *mở rộng thận trọng* – vừa kích thích vừa kiểm soát bền vững nợ công trong trung hạn. Còn Trung Quốc cam kết tiếp tục tài khóa mở rộng tập trung vào cơ sở hạ tầng, công nghệ và chuyển đổi xanh; tăng cường chi tiêu hiệu quả hơn để hỗ trợ tăng trưởng trong năm 2026, thể hiện qua kế hoạch mở rộng dự án quốc gia và đầu tư công lớn (trị giá khoảng 295 tỷ nhân dân tệ), nhưng sẽ kiểm soát tỷ lệ nợ công trong trung hạn.

Khu vực Euro và Nhật Bản cũng sẽ tiếp tục xu thế tài khóa mở rộng, nhưng trong bối cảnh áp lực nợ công cao, buộc chính sách phải kết hợp giữa hỗ trợ tăng trưởng và duy trì ổn định tài chính dài hạn.

Chính sách tài khóa Nhật Bản sẽ tiếp tục hỗ trợ tiêu dùng và chi an sinh xã hội, đồng thời tăng đầu tư công cho các mục tiêu chiến lược (đầu tư năng lượng, công nghệ, bảo vệ xã hội). Kinh tế khu vực Euro dự kiến tăng trưởng thấp, tạo áp lực phải dùng chi tiêu công hỗ trợ tăng trưởng. Thâm hụt ngân sách tổng thể của khu vực dự kiến tăng từ $3,2\%$ GDP lên $3,4\%$ GDP trong năm 2026, cho thấy xu hướng tài khóa chỉ có thể mở rộng nhẹ so với trước đây.

3.2. Những rủi ro lớn

Kinh tế toàn cầu bước sang năm 2026 được đánh giá là phải đối mặt với nhiều bất ổn lớn từ các yếu tố chính sách, tài chính và công nghệ đến những thách thức nội tại và những mâu thuẫn/xung đột địa chính trị tiềm ẩn hoặc đang diễn ra.

Căng thẳng Thương mại & Thuế quan: Việc Mỹ áp thuế cao lên hàng hóa Trung Quốc có thể gây ra một cú sốc lớn, làm gián đoạn thương mại quốc tế và kinh tế toàn cầu.

Thặng dư thương mại kỷ lục của Trung Quốc trong năm 2025 đang trở thành tâm điểm căng thẳng. Trong năm 2025, thặng dư thương mại của Trung Quốc đã đạt mức kỷ lục, lần đầu tiên vượt mốc 1 nghìn tỷ USD vào cuối năm (số liệu tính đến hết tháng 11/2025 là 1.080 tỷ USD, tăng $21,7\%$ so với cùng kỳ, nhờ xuất khẩu ô tô điện (EV) và pin năng lượng mặt trời tăng mạnh, dù xuất khẩu sang Mỹ giảm sút). Điều này có thể kích hoạt các phản ứng bảo hộ và hàng rào thuế quan mới từ các đối tác thương mại lớn vào năm 2026, đặc biệt là Mỹ. Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) dự báo tăng trưởng thương mại hàng hóa toàn cầu sẽ chỉ đạt $0,5\%$ vào năm 2026, giảm mạnh so với mức $2,4\%$ trong năm nay, phản ánh sự ảnh hưởng tiêu cực xuất phát từ căng thẳng thuế quan.

Lạm phát & Lãi suất: Lạm phát và lãi suất duy trì ở mức cao sẽ tiếp tục nén ép nhu cầu tiêu dùng, làm chậm quá trình phục hồi kinh tế trên toàn cầu.

Lạm phát vẫn ở mức cao tại nhiều nơi trên thế giới, bao gồm cả Mỹ và khu vực EURO, một phần là do thuế quan. Tranh chấp thương mại gia tăng hoặc gián đoạn chuỗi cung ứng có thể khiến chi phí đẩy lạm phát, tạo ra một tình thế khó cho các ngân hàng trung ương trong việc lựa chọn chống lạm phát hay giữ lãi suất thấp để hỗ trợ tăng trưởng. Mặt khác, lãi suất tăng còn làm tăng vọt chi phí trả nợ của các quốc gia đang gánh khoản nợ lớn. Tính đến cuối năm 2025, nợ công toàn cầu đang ở mức rất cao và là một trong những thách thức kinh tế lớn nhất thế giới. Theo dữ liệu mới nhất của IMF, tổng dư nợ của chính phủ trên toàn cầu dự kiến đạt khoảng \$111 nghìn tỷ USD, tăng thêm hơn \$8 nghìn tỷ USD so với năm 2024. Số này tương đương gần 93% GDP toàn cầu, và dự báo sẽ còn tăng lên mức trên 100 % GDP vào cuối thập niên này nếu xu hướng hiện tại tiếp diễn.

Bong bóng AI: Dòng vốn khổng lồ đổ vào AI có thể tạo ra sự thổi phồng quá mức trên thị trường chứng khoán, đặc biệt tại Mỹ, dẫn đến nguy cơ điều chỉnh mạnh và sụp đổ bong bóng.

Sự bùng nổ trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI) được dự đoán sẽ tiếp tục trong năm 2026. Các công ty công nghệ lớn của Mỹ và thế giới đã chi hàng trăm tỷ USD để xây dựng và mở rộng cơ sở hạ tầng AI. Cuộc cách mạng AI mang tính cấu trúc và sự chuyển đổi sẽ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ trong năm 2026. Nếu bong bóng cổ phiếu AI vỡ và chi tiêu giảm đột ngột, thì nhiều nền kinh tế lớn sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề, có khả năng đẩy nền kinh tế lớn nhất thế giới vào suy thoái và kìm hãm tăng trưởng toàn cầu.

Tăng trưởng chậm lại: Nhiều tổ chức uy tín dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu sẽ tiếp tục suy giảm, xuống dưới mức 3% trong năm 2026. Đặc biệt, các nền kinh tế lớn như Mỹ, khu vực EURO hay đặc biệt là Trung Quốc với những thách thức mang tính cấu trúc sâu xa vẫn tồn tại, chẳng hạn như sự già hóa dân số và tình trạng dư thừa năng lực sản xuất... sẽ khiến kinh tế toàn cầu tiếp tục bất ổn.

4. NHỮNG TÁC ĐỘNG TIỀM TÀNG VỚI VIỆT NAM

Năm 2026 mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức cho các nền kinh tế có độ mở lớn như Việt Nam, trong đó đáng kể là:

**Về tài chính, tiền tệ.* Xu hướng USD suy yếu và FED hạ lãi suất sẽ giảm áp lực tỷ giá, tạo dư địa cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt hơn, thị trường tiền tệ nói chung cũng sẽ giảm bớt áp lực trong bối cảnh các điều kiện tài chính toàn cầu bớt áp lực.

**Về xuất khẩu.* Kinh tế Mỹ tăng trưởng 4,3% và tín dụng tại khu vực Euro hồi phục là tín hiệu rất tích cực cho các đơn hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Nhưng mặt khác, nhu cầu trong nước yếu (thể hiện qua tín dụng thấp), Trung Quốc sẽ phải tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu, do đó các đối thủ xuất khẩu như Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh thị trường và hàng hóa giá rẻ từ Trung Quốc.

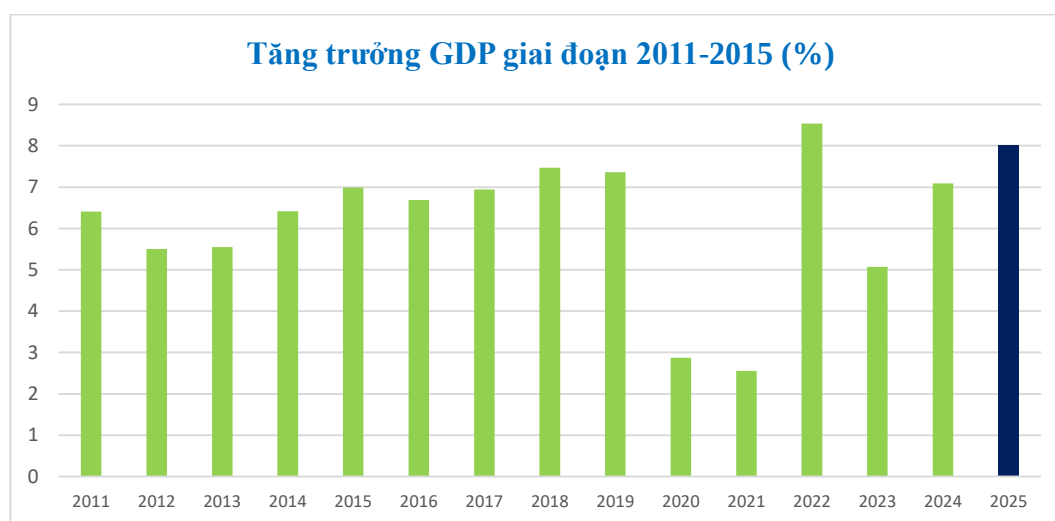
Tóm tắt

Năm 2025, trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm, nhiều nền kinh tế lớn tăng trưởng thấp, Việt Nam vẫn thể hiện khả năng phục hồi và vươn lên mạnh mẽ, đạt tăng trưởng cao, giữ vững ổn định vĩ mô.

Trong đó, hệ thống ngân hàng Việt Nam đã đạt mức tăng trưởng tín dụng cao nhất trong 5 năm (19%), góp phần quan trọng vào mục tiêu tăng trưởng GDP trên 8%. Đồng thời, lợi nhuận toàn ngành dự kiến cũng sẽ tăng 19% cả năm. Tuy nhiên, mức chênh lệch giữa tín dụng và huy động vốn đã tạo ra áp lực thanh khoản đáng kể, đặt ra bài toán phải điều chỉnh lãi suất và quản lý rủi ro linh hoạt nhưng chặt chẽ hơn trong năm 2026. Bức tranh ngân hàng năm qua phản ánh sự phục hồi, vươn lên mạnh mẽ nhưng cũng tiềm ẩn nhiều thách thức.

I. KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM 2025: ĐIỂM SÁNG NỔI BẬT BẤT CHẤP BIẾN ĐỘNG TOÀN CẦU

Nền kinh tế Việt Nam năm 2025 ghi nhận những thành tựu nổi bật bất chấp biến động kinh tế toàn cầu. Với mức tăng trưởng GDP đạt 8,02%, Việt Nam tiếp tục được xem là một trong những điểm sáng của khu vực và thế giới. Lạm phát được kiểm soát tốt ở mức 3,31% cả năm, ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế; bội chi ngân sách, nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài quốc gia thấp hơn nhiều giới hạn quy định, củng cố dư địa tài khóa cho phát triển. GDP bình quân đầu người đạt trên 5.000 USD, tăng 1,4 lần so với năm 2020, đưa Việt Nam tiệm cận ngưỡng nước thu nhập trung bình cao.

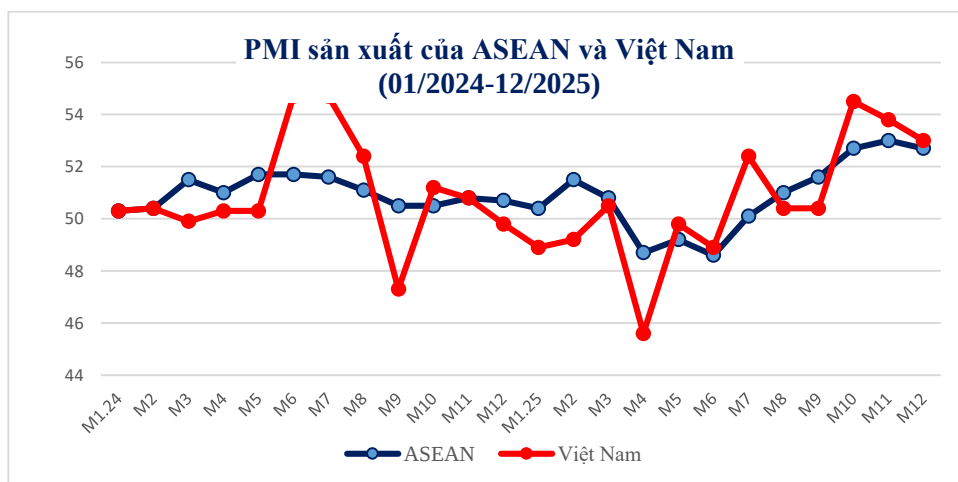


Nguồn: NSO

Sự tăng trưởng vượt bậc này là sự cộng hưởng của nhiều yếu tố chiến lược mang tính dài hạn, trong đó, động lực kinh tế chính đem lại sự tăng trưởng đến từ sự phục hồi mạnh mẽ của sản xuất công nghiệp, sự bùng nổ của xuất khẩu và giải ngân vốn đầu tư công đạt hiệu quả cao.

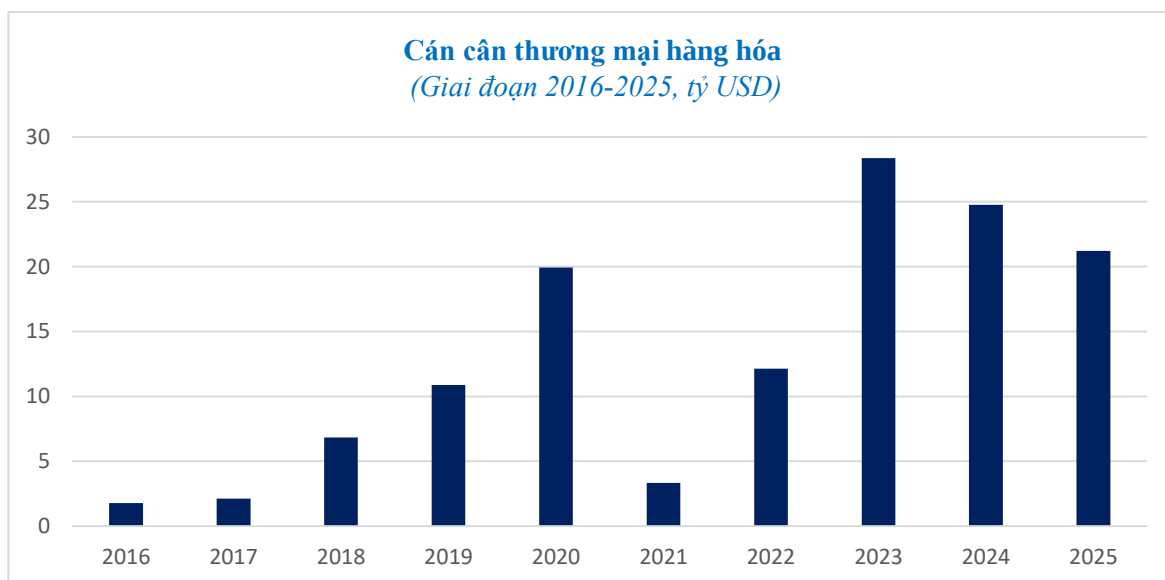
Trong khi tăng trưởng toàn cầu có xu hướng chậm lại, các tổ chức quốc tế đều đánh giá Việt Nam là quốc gia có mức tăng trưởng cao nhất khu vực Đông Nam Á.

Động lực chính đến từ sự hồi phục mạnh mẽ của khu vực công nghiệp và xây dựng (tăng 8,95%), đặc biệt là ngành chế biến, chế tạo tăng gần 10% – mức cao nhất từ năm 2019. Điều này cho thấy nền tảng sản xuất của Việt Nam không chỉ phục hồi mà còn đang gia tăng năng suất đáng kể.



Nguồn: VNBA tổng hợp

Ngoại thương Việt Nam năm 2025 xác lập dấu mốc lịch sử mới khi tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt con số kỷ lục trên 930 tỷ USD, tăng trên 18% so với năm trước (tương đương tăng gần 134 tỷ USD) so với năm 2024. Trong đó, xuất khẩu đạt trên 475 tỷ USD, tăng 17%; nhập khẩu đạt 455 tỷ USD, tăng 19,4%, xuất siêu trên 21 tỷ USD.



Nguồn: NSO

Những kết quả này chính chức đưa Việt Nam gia nhập nhóm 25 nền kinh tế có trị giá xuất nhập khẩu lớn nhất toàn cầu, xếp thứ 21 về xuất khẩu và 20 về nhập khẩu. Điểm đáng chú ý là sự đóng góp phần lớn từ khối FDI, chiếm tới 72% tổng kim ngạch và đóng góp 99% vào mức tăng trưởng xuất nhập khẩu chung.

Điều này tiếp tục đóng vai trò hết sức quan trọng là tăng dự trữ ngoại hối, góp phần ổn định tỷ giá và cho thấy một chu kỳ sản xuất đang mở rộng mạnh mẽ, đưa Việt Nam trở thành "mắt xích" không thể thiếu trong chuỗi cung ứng công nghệ cao toàn cầu với các mặt hàng máy vi tính, điện thoại và linh kiện chiếm tỷ trọng lớn (47% tổng trị giá xuất khẩu).

Thu hút FDI trong năm 2025 là điểm sáng. Vốn FDI thực hiện ước cả năm đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9% - cao nhất trong vòng 5 năm qua. Việc duy trì dòng vốn FDI kỷ lục trong bối cảnh địa chính trị phức tạp khẳng định niềm tin của nhà đầu tư quốc tế vào sự ổn định chính trị và tiềm năng hạ tầng số của Việt Nam.

Đầu tư công, thực hiện từ vốn ngân sách Nhà nước tăng mạnh 26,6%, cho thấy sự quyết liệt của Chính phủ trong việc giải ngân để tạo động lực dẫn dắt kinh tế. Tính đến 31/12/2025, tổng số vốn đầu tư công giải ngân đạt 755.141,6 tỷ đồng, bằng 82,7% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, cao hơn 2,4% về tỷ lệ và trên 206.564 tỷ đồng về số tuyệt đối so với cùng kỳ năm 2024. Niên hạn ngân sách năm 2025 sẽ kết thúc vào ngày 31/01/2026, cả nước đang phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch.

Vốn ngân sách địa phương đạt tỷ lệ giải ngân gần như tuyệt đối, lên tới 99,9%, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm 2024. Tuy nhiên, giải ngân vốn ngân sách trung ương chỉ đạt 63,9%, giảm 7,7% về tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước. Đây là điểm nghẽn lớn nhất trong bức tranh giải ngân đầu tư công năm 2025, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ nhiều dự án quy mô lớn, có tính lan tỏa cao.

Thu ngân sách nhà nước đã đạt những con số ấn tượng, trong bối cảnh tiếp tục thực hiện miễn giảm, gia hạn khoảng 251.000 tỷ đồng và nền kinh tế thế giới rất nhiều biến động. Lũy kế tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025 ước đạt trên 2,65 triệu tỷ đồng, vượt 34,7% so với dự toán năm và tăng gần 30% so với năm trước. Kết quả này không chỉ phản ánh sức phục hồi của nền kinh tế thực mà còn cho thấy hiệu quả của chính sách điều hành tài khóa linh hoạt.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỐNG KÊ KINH TẾ CẢ NĂM 2025 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC (%)												
	T1/25	T2/25	T3/25	T4/25	T5/25	T6/25	T7/25	T8/25	T9/25	T10/25	T11/25	T12/2025
Chỉ số sản xuất công nghiệp	8,9%	17,2%	8,6%	8,9%	9,4%	10,8%	8,5%	8,9%	13,6%	10,8%	10,8%	10,1%
Khách quốc tế đến VN	38,8%	23,7%	28,5%	6,3%	10,5%	17,1%	35,7%	17,6%	19,5%	22,1%	15,6%	15,7%
Mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	9,5%	9,4%	10,8%	11,1%	10,2%	8,3%	9,2%	10,6%	11,3%	7,2%	7,1%	9,8%
Vốn NSNN đầu tư thực hiện	5,6%	36,5%	17,4%	12,9%	15,3%	22,8%	30,1%	32,6%	34,0%	29,1%	21,5%	22,5%
Chỉ số giá tiêu dùng	2,77%	2,91%	3,13%	3,12%	3,24%	3,57%	3,19%	3,24%	3,38%	3,25%	3,58%	3,48%
Lạm phát cơ bản	2,77%	2,87%	3,10%	3,14%	3,33%	3,46%	3,30%	3,25%	3,18%	3,30%	3,28%	3,27%

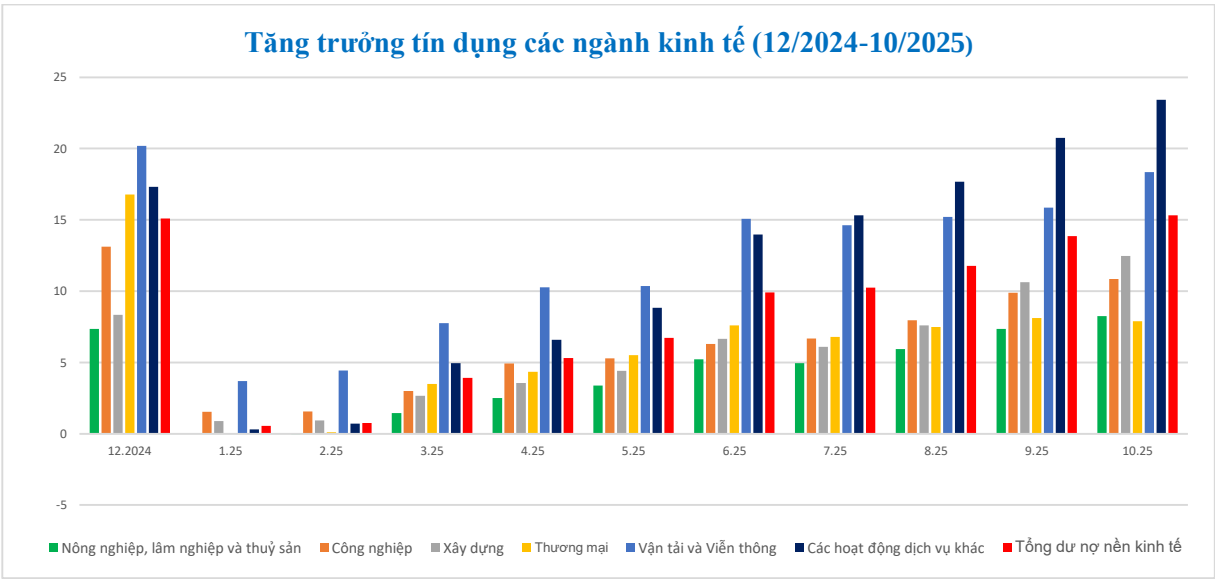
Nguồn: nso.gov.vn

II. HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG NĂM 2025:

Tăng trưởng tín dụng - Động lực chính

Tín dụng ngân hàng là điểm sáng lớn nhất của ngành năm 2025. Đến ngày 24/12/2025, dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt 18,4 triệu tỷ đồng, tăng 17,87% so với cuối năm 2024 và 19,41% so với cùng kỳ năm trước. Dự báo tín dụng cả năm 2025 sẽ đạt mức tăng trưởng khoảng 20%, vượt xa mục tiêu 14-16% được đặt ra ban đầu.

Sự tăng tốc này không phải là ngẫu nhiên. Chính sách tiền tệ nới lỏng kết hợp với các gói tín dụng ưu đãi quy mô lớn, đã tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tín dụng mở rộng cho vay. Các chương trình tín dụng chiến lược được triển khai đồng loạt, đáng kể là Chương trình tín dụng đầu tư hạ tầng: 500 nghìn tỷ đồng với lãi suất ưu đãi 1-1,5% thấp hơn mặt bằng thị trường; Chương trình nhà ở xã hội: 145 nghìn tỷ đồng, lãi suất 1-2% thấp hơn lãi suất thương mại; Chương trình tín dụng nông, lâm, thủy sản: Nâng quy mô từ 15.000 tỷ lên 185.000 tỷ đồng...



Nguồn: VNBA tổng hợp, cập nhật đến đến 04/01/2026

Tuy nhiên, một vấn đề đáng chú ý là hệ số tín dụng/GDP đã lên tới 146%, mức cao nhất trong các nước có thu nhập trung bình thấp. Điều này phản ánh sự phụ thuộc ngày càng cao của nền kinh tế vào nguồn tín dụng ngân hàng, đặt ra yêu cầu khẩn cấp là cần phát triển mạnh các thị trường vốn khác (trái phiếu, cổ phiếu, tài sản sổ) để phân tán rủi ro hệ thống.

Lợi nhuận Ngành - Tăng trưởng toàn diện

Chỉ trong 3 quý đầu năm, tổng lợi nhuận trước thuế của 27 ngân hàng niêm yết trên sàn chứng khoán đạt gần 260 nghìn tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ 2024 và hoàn thành 74% kế hoạch năm. Tổng thu nhập

hoạt động đạt hơn 528 nghìn tỷ đồng, tăng 12%, trong đó thu nhập lãi thuần (411 nghìn tỷ đồng) chiếm gần 78% tổng thu nhập hoạt động.

Tăng trưởng lợi nhuận theo nhóm ngân hàng (9 tháng 2025): Nhóm vừa-nhỏ dẫn đầu 24%, Nhóm quốc doanh 18%, Nhóm tư nhân lớn 14%. Các ngân hàng lớn tiếp tục giữ vị trí hàng đầu. Trong nhóm các ngân hàng lớn, Vietcombank duy trì vị trí quán quân với lợi nhuận 9 tháng đạt 33.133 tỷ đồng (tăng 5%), trong khi VietinBank tăng trưởng mạnh nhất nhóm với 51% và lợi nhuận 29.535 tỷ đồng. Ở nhóm ngân hàng tư nhân, Techcombank vẫn là ngân hàng lãi lớn nhất với 23.385 tỷ đồng, nhưng VPBank ghi nhận sự tăng tốc ấn tượng với mức lãi tăng 47% lên trên 20.000 tỷ đồng.

Tính chung trong 3 quý đầu năm, con số 25/27 ngân hàng báo cáo lợi nhuận tăng trưởng dương cho thấy nền tảng tài chính của hệ thống tiếp tục được củng cố, ổn định và phát triển.

Dự báo cả năm 2025, mức tăng trưởng lợi nhuận toàn ngành Ngân hàng khả quan, dù có sự *phân hóa rõ rệt giữa các ngân hàng lớn và nhỏ*, tăng khoảng 16%–20% so với năm 2024. Tăng trưởng tín dụng vẫn là động lực chính thúc đẩy lợi nhuận, cùng với tăng thu nhập ngoài lãi và việc kiểm soát tốt rủi ro của các ngân hàng...

Lợi nhuận trước thuế 2025 một số ngân hàng

Ngân hàng	Lợi nhuận trước thuế 2025 (Ước tính/Công bố sơ bộ)	Điểm nổi bật
Vietcombank	> 45.000 tỷ đồng	Giữ vững vị thế dẫn đầu; chỉ số sinh lời cao nhất hệ thống.
VietinBank	> 41.000 tỷ đồng	Lãi kỷ lục lịch sử; tổng tài sản vượt 100 tỷ USD.
BIDV (BID)	~ 36.000 tỷ đồng	Tổng tài sản ước đạt 2,8 triệu tỷ đồng (lớn nhất ngành).
MB (MBB)	~ 33.700 tỷ đồng	Tổng tài sản gần 1,5 triệu tỷ đồng (+33%).
Techcombank	> 31.000 tỷ đồng	Tăng trưởng mạnh mẽ; dự kiến 2026 đạt trên 33.000 tỷ.
Agribank	~ 28.688 tỷ đồng	Tổng tài sản đạt trên 2,5 triệu tỷ đồng, tăng 12,1%. Dư nợ cho vay gần 2 triệu tỷ đồng.
VPBank	~ 30.275 tỷ đồng	Tăng trưởng 51% so với cùng kỳ.
Sacombank	~ 7.628 tỷ đồng	Tổng tài sản gần 918.000 tỷ đồng (+23%).
HDBank	~ 21.500 tỷ đồng	Lợi suất cao từ cho vay bán lẻ và HD Saison.
Nam A Bank	~5.254 tỷ đồng	Tổng tài sản ngân hàng đạt 418.335 tỷ đồng, gấp 1,7 lần so với đầu năm; nợ xấu giảm còn 2,15%
An Bình Bank	~3.522 tỷ đồng	Huy động đạt 161.221 tỷ đồng, hoàn thành 140% kế hoạch năm, trong khi dư nợ tín dụng đạt hơn 127.000 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2024.
NCB	~900 tỷ đồng	Toàn bộ lợi nhuận dùng để bù đắp các tổn thất tài chính do nợ xấu đã được nhận diện trong Đề án tái cơ cấu.

Nguồn: VNBA tổng hợp, cập nhật đến 10/01/2026

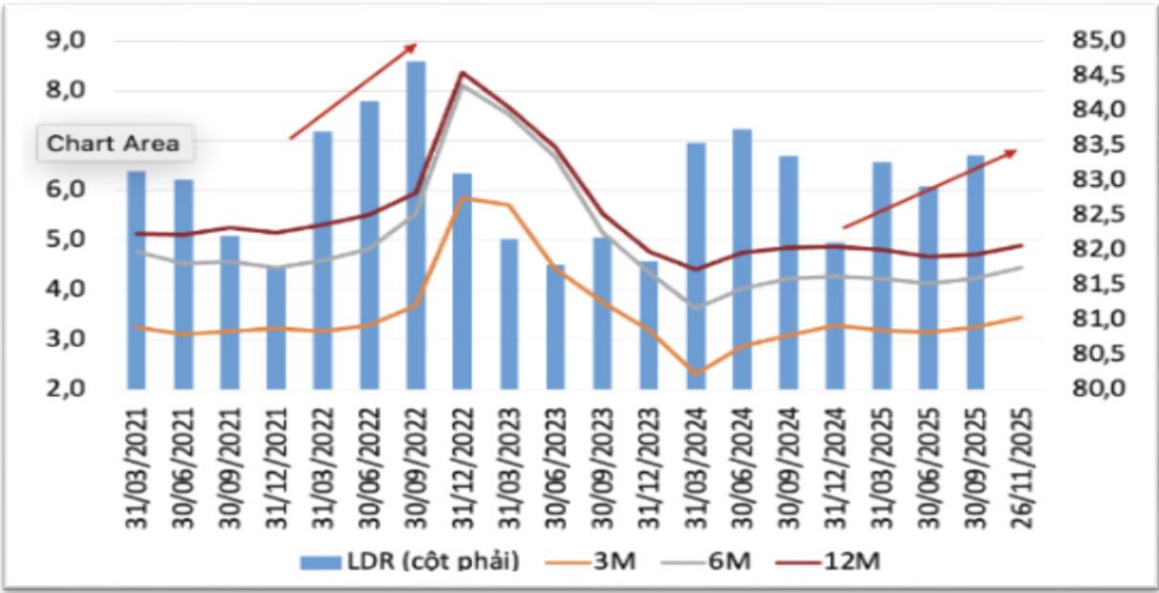
Huy động vốn và áp lực thanh khoản

Dù tăng trưởng tín dụng vẫn ổn nhưng huy động vốn lại chậm lại. Tăng trưởng huy động vốn chỉ đạt 14,11%, thấp hơn đáng kể so với tăng trưởng tín dụng 17,87% (số liệu đến ngày 24/12/2025 theo thông tin *Hợp báo NHNN 29/12/2025*). Mức chênh lệch này (3,76 điểm %) đã tạo ra áp lực thanh khoản đáng kể cho hệ thống, làm giảm khả năng tiếp vốn cho tăng trưởng trong giai đoạn tiếp theo.

Để đảm bảo nguồn vốn, các ngân hàng buộc phải điều chỉnh lãi suất huy động. Từ tháng 10 trở đi, ngày càng nhiều ngân hàng tăng lãi suất tiền gửi, với nhiều kỳ hạn vượt ngưỡng 7,2% mỗi năm. Bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng từ mức 4,8% (tháng 9) đã nhích lên cao hơn đáng kể. Áp lực thanh khoản được dự báo sẽ còn kéo dài sang những tháng đầu năm 2026 khi nhu cầu tín dụng tăng mạnh theo chu kỳ cuối năm và đầu năm mới.

Hệ số LDR (Loan-to-Deposit Ratio) toàn ngành đã lên tới 111% vào cuối quý III/2025 - mức cao nhất trong nhiều năm, cho thấy các ngân hàng đã tiến sát giới hạn cho vay an toàn.

Tỷ lệ cho vay/huy động (LDR) và lãi suất



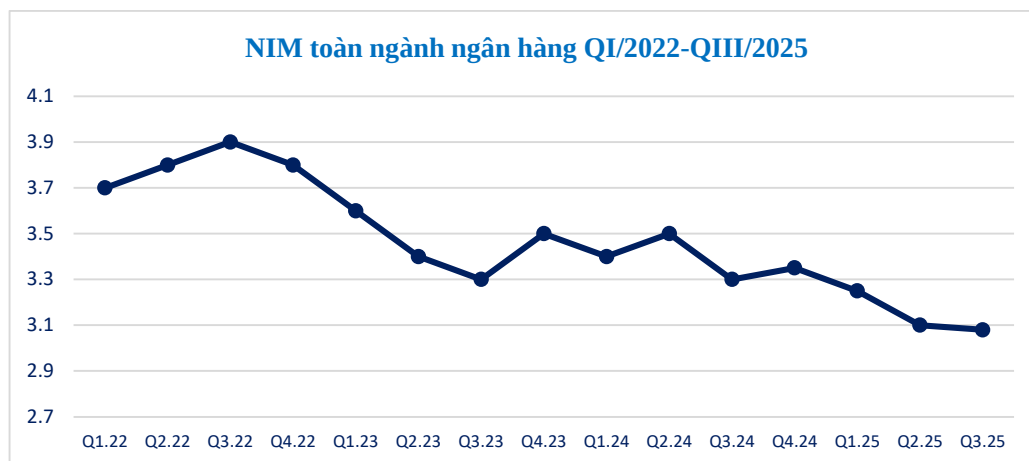
Nguồn: Widata

Tỷ lệ CASA (tiền gửi không kỳ hạn) giảm xuống dưới 22%, phản ánh tâm lý chi phối của khách hàng gửi tiền khi giá vàng, USD và tài sản số tăng mạnh trong năm qua.

Biên lãi thuần (NIM) thu hẹp - Thách thức lớn nhất

Diễn biến NIM trong năm 2025 là một vấn đề đáng quan tâm. NIM toàn ngành đã giảm liên tục từ 3,25% (Q1) xuống 3,0% (Q3), mức thấp nhất kể từ quý I/2025. Bình quân 4 quý gần nhất chỉ đạt 3,15% - mức thấp nhất kể từ 2018. Sự suy giảm này bởi hai nguyên nhân chính (i) Lợi suất tài sản giảm: Do tăng trưởng nợ quá hạn hình thành ròng tăng; (ii) Chi phí vốn tăng: Do mặt bằng lãi suất huy động nhích lên.

Xu hướng Biên lãi thuần (NIM) 2025 giảm từ 3,25% (quý I) xuống 3,08% (quý III), bình quân 4 quý đang ở mức thấp nhất kể từ 2018. Đồng thời, diễn biến NIM cũng có sự phân hóa rõ rệt giữa các ngân hàng. Những ngân hàng có nền tảng bán lẻ mạnh như Sacombank, VPBank, OCB, MB, VIB đang ghi nhận sự hồi phục NIM nhờ duy trì tăng trưởng tín dụng mạnh và tỷ trọng cho vay bán lẻ cao. Ngược lại, nhóm ngân hàng nhà nước (Vietcombank, VietinBank và BIDV) vẫn neo NIM ở vùng đáy 2%-2,6% do phải ưu tiên duy trì mặt bằng lãi suất cho vay thấp dù chi phí huy động tăng nhanh.

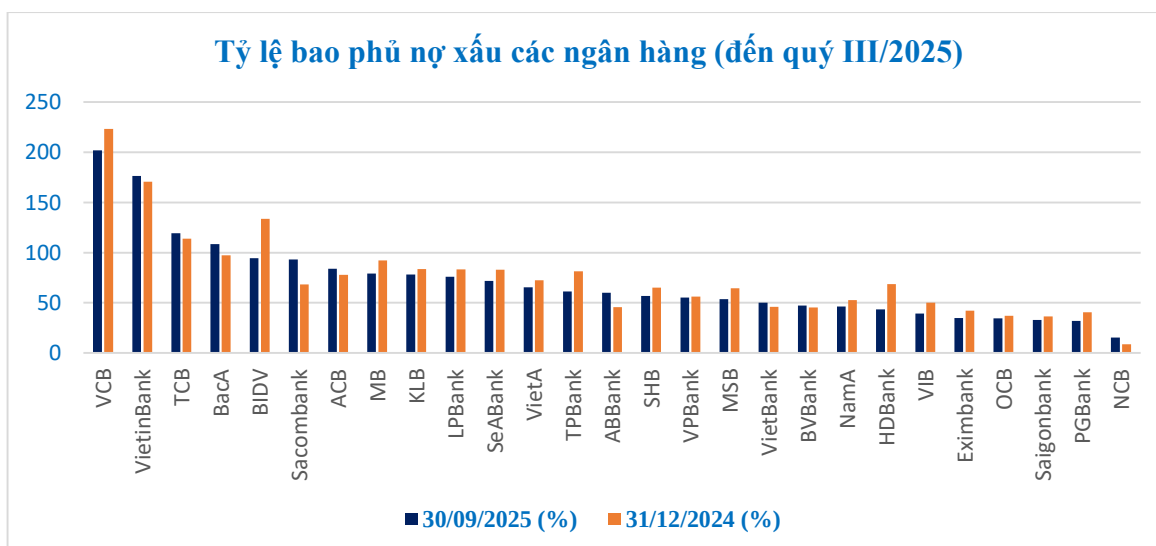


Nguồn: VNBA tổng hợp

Áp lực lên NIM được dự báo sẽ kéo dài vào quý IV và sang năm 2026 khi nhu cầu vốn tăng theo chu kỳ và lãi suất đầu vào chưa có dư địa giảm.

Chất lượng tài sản

Về chất lượng tài sản, bức tranh có những mảng sáng nhưng cũng có vấn đề cần quan tâm. Tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống giảm xuống 2,01%, một phần nhờ tín dụng tăng nhanh đã *làm giảm* tỷ lệ và công tác xử lý nợ hiệu quả hơn. Tuy nhiên, tổng nợ xấu nội bảng vẫn tăng thêm 44 nghìn tỷ đồng lên 274 nghìn tỷ đồng.



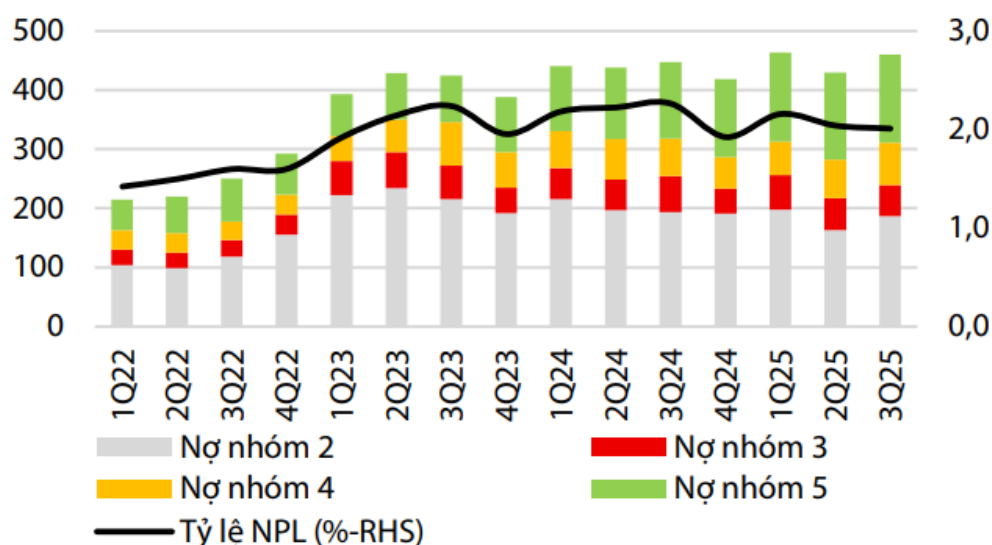
Nguồn: VNBA tổng hợp

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) hồi phục từ mức đáy gần 80% (quý II) lên 84%, nhưng vẫn thấp hơn so với cuối năm 2024 và có sự phân hóa giữa các ngân hàng. Có 4 ngân hàng (VCB, VietinBank, TCB, Bac A Bank) trên 100%, trong đó Vietcombank dẫn đầu tỷ lệ bao phủ nợ xấu 201,9%, BIDV giảm xuống dưới 100%.

Nhìn chung bức tranh nợ xấu đang theo xu hướng tích cực hơn với tỷ lệ giảm nhờ vào tăng trưởng tín dụng và quản lý rủi ro. Tuy nhiên, vấn đề cần chú ý nhất là nợ nhóm 2 (nợ quá hạn 90-180 ngày hoặc có dấu hiệu rủi ro mất vốn). Trong quý III/2025, nợ nhóm 2 hình thành ròng tăng mạnh lên hơn 50 nghìn tỷ đồng, trái ngược với xu hướng giảm trong quý trước đó. Nguyên nhân bao gồm áp lực trả nợ tăng khi lãi suất huy động đi lên, sự đáo hạn của các khoản tái cơ cấu, và rủi ro nội tại ở các lĩnh vực bất động sản, thương mại, xây dựng...

Sự gia tăng nợ nhóm 2 là dấu hiệu cảnh báo sớm, cho thấy chất lượng tín dụng vẫn cần được giám sát chặt chẽ. Nếu không được xử lý kịp thời, một phần nợ nhóm 2 có thể chuyển thành nợ xấu trong quý IV hoặc đầu năm 2026.

Quy mô nợ xấu toàn ngành (đến quý III/2025)



Nguồn: VDSC

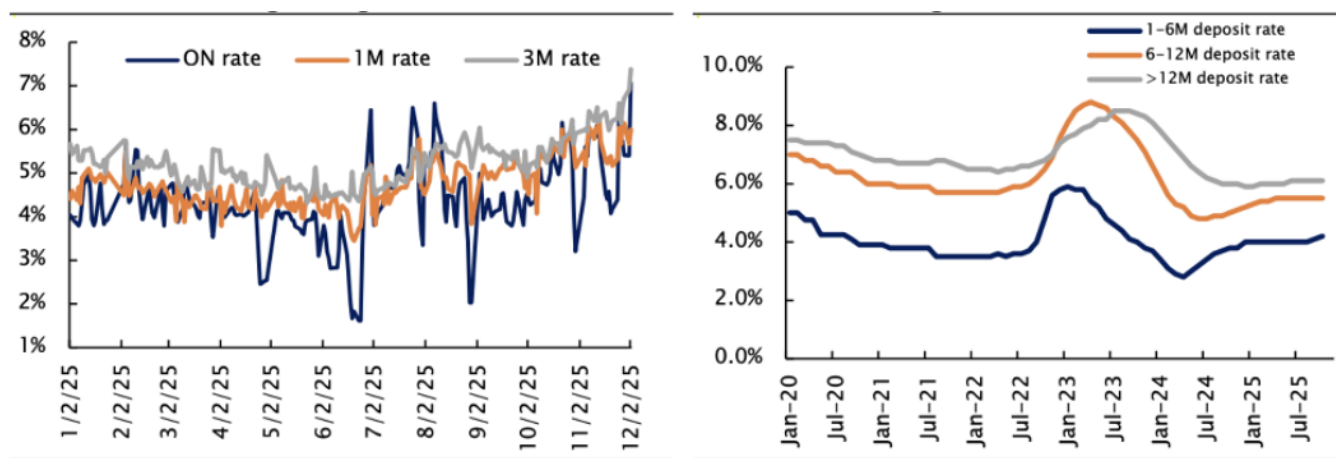
Lãi suất điều hành - Sự điều chỉnh cần thiết

Trong năm 2025, NHNN điều hành lãi suất theo hướng chủ động, linh hoạt, ưu tiên ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng, giữ nguyên các lãi suất điều hành nhằm tạo điều kiện cho tín dụng phục hồi. Lãi suất cho vay bình quân của các tổ chức tín dụng duy trì ở mức gần 7% mỗi năm.

Tuy nhiên, dấu hiệu của sức ép thanh khoản bắt đầu xuất hiện khi lãi suất OMO (Nghịệp vụ thị trường mở) lần đầu tiên trong hơn một năm được nâng từ 4% lên 4,5% vào đầu tháng 12/2025.

Sự điều chỉnh này phản ánh nỗ lực của NHNN trong việc cân bằng giữa thúc đẩy tăng trưởng (duy trì lãi suất thấp) và quản lý rủi ro thanh khoản (nâng lãi suất điều hành khi cần). Lãi suất qua đêm liên ngân hàng đã chạm mức 7,35% vào ngày 3/12/2025 - mức cao nhất trong nhiều năm.

Lãi suất liên ngân hàng và lãi suất tiền gửi



Nguồn: NHNN/FiinPro-X

Tỷ giá - Áp lực và kiểm soát

Năm 2025 là năm biến động tỷ giá. VND tiếp tục mất giá so với USD nhưng được kiểm soát ở khoảng 3-4% - một kết quả đáng kể trong bối cảnh USD biến động mạnh toàn cầu. Trên thị trường tự do, USD chạm đỉnh lịch sử 27.900 VND/USD vào giữa tháng 11/2025, tương đương tăng 8,1% so với đầu năm. Chênh lệch giữa thị trường tự do và chính thức lên tới 2.700 VND/USD vào thời điểm cao nhất, phản ánh tâm lý tích trữ ngoại tệ vẫn còn cố hữu ở một bộ phận người dân.

Nhờ các biện pháp can thiệp linh hoạt của NHNN (bán ngoại tệ, điều tiết trên thị trường mở, hoán đổi tiền tệ), tỷ giá đã "hạ nhiệt" vào cuối năm, giao dịch quanh vùng 26.800-26.850 VND/USD (tự do) và 25.125-25.400 VND/USD (chính thức). Mức chênh lệch này vẫn còn khá lớn, cần phải được quan tâm điều chỉnh một cách linh hoạt, kịp thời.

III. CẢI CÁCH THỂ CHẾ - NỀN TẢNG CỦA TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

Năm 2025 ghi nhận những bước cải cách mang tính nền tảng không chỉ cho ngành Ngân hàng mà cho cả nền kinh tế. Bộ tứ Nghị quyết của Bộ Chính trị (NQ 57, 59, 66, 68) đã tạo ra khung pháp lý toàn diện, trong đó Nghị quyết số 68/NQ-TW về phát triển kinh tế tư nhân đánh dấu lần đầu tiên kinh tế tư nhân được khẳng định là động lực số một của nền kinh tế.

Những cải cách đáng chú ý

Thành lập trung tâm tài chính quốc tế: Ngày 21/12/2025, theo Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội, Trung tâm Tài chính Quốc tế (TTTCQT) chính thức đi vào hoạt động. Mô hình "một trung tâm, hai

địa điểm" với TP. HCM phát triển thành trung tâm tài chính toàn diện và TP. Đà Nẵng tập trung vào fintech, tài chính xanh và cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox). Điều này mở ra cơ hội lớn để thu hút dòng vốn quốc tế, phát triển thị trường tài chính hiện đại, và kết nối với hệ sinh thái tài chính khu vực.

Xóa bỏ thuế khoán: Triển khai Nghị quyết số 68/NQ-TW, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định 3389/QĐ-BTC chuyển đổi mô hình quản lý thuế đối với hộ kinh doanh. Ngày 30/12/2025 đánh dấu cột mốc lịch sử khi 100% hộ kinh doanh chuyển sang kê khai thuế, kết thúc hình thức thuế khoán kéo dài nhiều năm. Đây sẽ tác động dương tới cơ cấu khách hàng của các ngân hàng khi hộ kinh doanh minh bạch hơn về dòng tiền, khả năng vay vốn tăng lên, góp phần thúc đẩy tín dụng và đa dạng dịch vụ ngân hàng.

Thông tư số 14/2025/TT-NHNN: Đây là một bước tiến lịch sử với ngành Ngân hàng Việt Nam. Không đơn thuần là một văn bản pháp quy thay thế Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, mà đánh dấu sự quyết liệt của hệ thống ngân hàng Việt Nam hướng tới việc áp dụng toàn diện các chuẩn mực quốc tế Basel III trong giai đoạn 2025-2030.

Khác biệt giữa Thông tư 41/2016 và Thông tư 14/2025

Tiêu chí	Thông tư 41-2016	Thông tư 14-2025
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) tối thiểu	8%	8% (cơ bản) + CCB theo lộ trình
Bộ đệm bảo toàn vốn (CCB)	Không có	Có - theo lộ trình bốn năm: 0,625% → 1,25% → 1,875% → 2,5%
Bộ đệm vốn phân chu kỳ (CCyB)	Không có	Có - từ 0-2,5 %
Điều kiện chia cổ tức tiền mặt	Không có điều kiện đặc biệt	Chỉ được chia khi duy trì đủ CAR + CCB
Phương pháp tính RWA	Phương pháp tiêu chuẩn (Basel II)	Phương pháp tiêu chuẩn (Basel III) + Phương pháp IRB
Phương pháp xếp hạng nội bộ (IRB)	Không có	Có - bao gồm FIRB và AIRB
Rủi ro hoạt động	Theo hướng dẫn Basel II	Theo hướng dẫn mới nhất của Basel III
Thời gian có hiệu lực	Ngày 1-1-2020	Ngày 15-9-2025
Thời gian bắt buộc áp dụng	Ngày 1-1-2020 (đã gia hạn đến 1-1-2023)	Ngày 1-1-2030

Thông tư mới đã thay đổi cách tính tỷ lệ an toàn vốn (CAR), quản lý rủi ro chặt chẽ hơn, và đặc biệt là thay thế cơ chế "room tín dụng" cứng (giao hạn mức cơ học vào đầu năm) bằng điều tiết qua chi phí vốn linh hoạt hơn. Lộ trình sẽ được triển khai đến năm 2030, cho các ngân hàng thời gian để tăng cường năng lực tài chính và quản trị.

Tái cấu trúc ngân hàng yếu kém: 04 ngân hàng yếu kém được kiểm soát đặc biệt (CBBank, OceanBank, GPBank, DongABank) đã hoàn tất chuyển giao cho các ngân hàng lớn mạnh hơn (Vietcombank, MB, VPBank, HDBank), được đổi tên thành các ngân hàng số (VCBNeo, MBV, Vikki Bank, GPBank mới). Quá trình này không chỉ tăng cường ổn định hệ thống mà còn tạo điều kiện thử nghiệm các mô hình kinh doanh mới trong lĩnh vực ngân hàng số.

Kết thúc năm 2025, kết quả kinh doanh sơ bộ của các ngân hàng này là khả quan. VCBNeo – hậu thân của CBBank – công bố mức lãi kỷ lục hơn 1.800 tỷ đồng. Trong khi đó, Vikki Bank và GPBank cũng ghi nhận lợi nhuận hàng trăm tỷ đồng chỉ sau chưa đầy một năm sáp nhập với các ngân hàng mẹ. Tỷ lệ nợ xấu cũng

đã được kiểm soát chặt chẽ, giảm từ mức hai con số xuống ngưỡng an toàn dưới 3%. Tái cơ cấu thành công 4 ngân hàng yếu kém không chỉ bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền mà còn giúp củng cố niềm tin vào sự ổn định của hệ thống tài chính ngân hàng.

IV. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ VÀNG

Thị trường chứng khoán - Năm của những kỷ lục

Năm 2025 là một năm bùng nổ cho thị trường chứng khoán Việt Nam. Tính đến ngày 31/12/2025, chỉ số VNIndex đạt 1.784,49 điểm, tăng gần 41% so với cuối năm 2024; mức vốn hóa thị trường cổ phiếu ước đạt gần 10 triệu tỷ đồng, tăng trên 39%; giá trị giao dịch bình quân đạt gần 29.300 tỷ đồng/phiên, tăng gần 40% so với bình quân năm 2024. Tính đến cuối tháng 11/2025, thị trường cổ phiếu có 721 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết; 878 mã cổ phiếu đăng ký giao dịch với tổng giá trị niêm yết, đăng ký giao dịch đạt 2.637 nghìn tỷ đồng, tăng gần 15% so với cuối năm 2024.

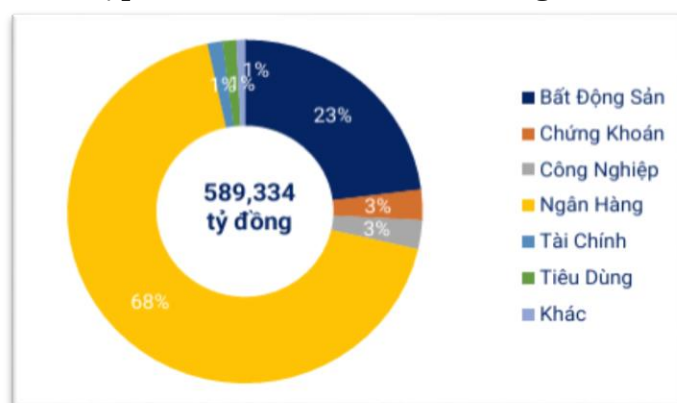
Trong năm, mặc dù có những lúc điều chỉnh sâu (đặc biệt sau tin thuế đối ứng của Mỹ) nhưng tổng thể thị trường vẫn phục hồi mạnh mẽ với sự lan tỏa rộng rãi, không chỉ tập trung ở các cổ phiếu vốn hóa lớn.

Quy mô vốn hóa thị trường tăng khoảng 35%, tương đương 84% GDP. Số lượng tài khoản nhà đầu tư vượt mốc 11 triệu, hoàn thành sớm mục tiêu đề ra trong Chiến lược phát triển TTCK đến năm 2030.

Đáng chú ý nhất là ngày 8/10/2025, FTSE Russell công bố nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên hạng Thị trường mới nổi thứ cấp, với hiệu lực chính thức từ 21/9/2026. Sự kiện này được xem là "bước đầu tiên" trong quá trình hội nhập thị trường vốn Việt Nam với hệ thống tài chính toàn cầu, mở ra cánh cửa đón nhận dòng vốn quốc tế quy mô lớn và bền vững hơn.

Trên thị trường trái phiếu, trong năm 2025, thị trường tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, phát triển theo hướng an toàn, minh bạch và bền vững, khẳng định vai trò then chốt là kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng cho ngân sách nhà nước (NSNN), các doanh nghiệp và ngân hàng chính sách.

Giá trị phát hành TPDN theo nhóm ngành 2025



Nguồn: VBMA

Tính chung cả năm 2025, giá trị giao dịch bình quân đạt 15.300 tỷ đồng/phần, tăng trên 26% so với bình quân năm 2024. Khối lượng huy động vốn trên thị trường trái phiếu khoảng 916,7 nghìn tỉ đồng, tăng 19,3% so với năm 2024. Quy mô thị trường trái phiếu đến cuối năm 2025 đạt khoảng 3,93 triệu tỉ đồng, tương đương 30,7% GDP ước tính năm 2025, tăng 7,6% so với cuối năm 2024.

Thị trường trái phiếu Chính phủ tiếp tục giữ vai trò chủ đạo (chiếm gần 70% khối lượng vốn huy động của Chính phủ tại thị trường trong nước trong giai đoạn 2021-2025) và gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ tái cơ cấu nợ công và ngân sách theo hướng bền vững.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp đánh dấu sự phục hồi mạnh mẽ sau giai đoạn khó khăn, niềm tin của nhà đầu tư dần được khôi phục nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ và khung pháp lý ngày càng hoàn thiện. Cả năm 2025, tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp được ghi nhận là 575.381 tỷ đồng, với 33 đợt phát hành ra công chúng trị giá 53.854 tỷ đồng (chiếm 9,4% tổng giá trị phát hành) và 486 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 521.527 tỷ đồng (chiếm 90,6% tổng số).

Về cơ cấu, nhóm Ngân hàng vẫn chiếm vị trí áp đảo với 67,7% tổng lượng phát hành, tương đương gần 390.000 tỷ đồng. Tiếp theo là nhóm Bất động sản với 22,9% tổng lượng phát hành, tương đương 131.000 tỷ đồng. Ngân hàng cũng là nhóm dẫn đầu, chiếm khoảng gần 70% tổng giá trị mua lại trước hạn (tương ứng khoảng 208.027 tỷ đồng) trong tổng giá trị trái phiếu đã được mua lại trước hạn đạt gần 300.000 tỷ đồng, tăng gần 44% so với năm 2024.

Thị trường Vàng - Thách thức mới

Vàng đã có một năm 2025 lịch sử về giá cả. Giá vàng thế giới lập kỷ lục 4.500 USD/ounce, tăng khoảng 70% trong năm. Tương ứng, vàng miếng SJC trong nước tiến sát mốc 160 triệu đồng/lượng (đạt đỉnh 159,8 triệu đồng vào 24/12/2025), tăng khoảng 77% trong năm.

Đáng chú ý là vàng nhẫn tròn cũng xác lập kỷ lục ~159,9 triệu đồng/lượng vào ngày 29/12/2025, gần sát với vàng SJC - một sự hòa đồng giá chưa từng xảy ra trong lịch sử thị trường vàng Việt Nam.

Cải cách thị trường vàng là công việc trọng tâm trong năm qua. Ngày 10/10/2025, Nghị định số 232/2025/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh vàng chính thức có hiệu lực, xóa bỏ cơ chế độc quyền sản xuất vàng miếng quốc gia SJC kéo dài từ 2012. Thay vào đó, các ngân hàng và doanh nghiệp có đủ năng lực được cấp phép nhập khẩu vàng nguyên liệu và sản xuất vàng miếng. Đến cuối 2025, NHNN đã nhận được 9 hồ sơ từ các ngân hàng thương mại và doanh nghiệp xin cấp phép.

Song song với đó, Chính phủ yêu cầu NHNN chủ trì lập kế hoạch thành lập Sàn giao dịch vàng quốc gia, dự kiến triển khai theo 3 giai đoạn từ giao dịch vàng nguyên liệu, mở rộng sang vàng miếng, rồi đến các

công cụ phái sinh vàng. Sàn giao dịch này sẽ giúp tìm giá thị trường hợp lý, tạo cơ chế phòng chống rủi ro, và hạn chế hiện tượng thị trường không chính thức.

V. CHUYỂN ĐỔI SỐ

Kinh tế số phát triển theo cả chiều rộng và chiều sâu

Năm 2025, kinh tế số Việt Nam tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, gắn chặt với tiến trình chuyển đổi số quốc gia. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP hiện ước đạt trên 14%, tương đương khoảng 72 tỷ USD, tăng 1,64 lần so với năm 2020. Kinh tế số phát triển theo cả chiều rộng và chiều sâu, trong đó các ngành kinh tế số lõi chiếm trên 60%, đồng thời mức độ chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực ngày càng được mở rộng, đặc biệt là thương mại, tài chính, dịch vụ hành chính và hạ tầng năng lượng.

Phát triển ngân hàng số, dữ liệu và khách hàng là trung tâm

Với ngành Ngân hàng, năm 2025 đánh dấu giai đoạn chuyển đổi từ “số hóa quy trình” sang phát triển ngân hàng số, lấy dữ liệu và khách hàng làm trung tâm. Chuyển đổi số không còn là những dự án công nghệ riêng lẻ của từng ngân hàng, mà trở thành nền tảng chiến lược thúc đẩy tăng trưởng bền vững, tài chính toàn diện và hội nhập quốc tế của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Một số kết quả Chuyển đổi số nổi bật của ngành Ngân hàng trong năm 2025

- * Số hóa toàn diện hoạt động ngân hàng: Đến cuối năm 2025, 100% ngân hàng thương mại đã triển khai ngân hàng số ở các mức độ khác nhau; trên 95% giao dịch của khách hàng cá nhân được thực hiện qua kênh số. Quy trình mở tài khoản, phát hành thẻ, định danh khách hàng (eKYC) cơ bản được số hóa hoàn toàn, rút ngắn thời gian phục vụ từ vài ngày xuống chỉ còn vài phút.*
- * Thanh toán không tiền mặt bùng nổ mạnh mẽ: Thanh toán số tiếp tục tăng trưởng hai chữ số, với hơn 80% người trưởng thành sở hữu tài khoản thanh toán. Hệ sinh thái QR code, Mobile Banking, Ví điện tử, thanh toán tức thời 24/7 được mở rộng sâu rộng tới khu vực nông thôn, dịch vụ công, giáo dục và y tế. Việt Nam thuộc nhóm quốc gia có tốc độ tăng trưởng thanh toán không tiền mặt cao nhất ASEAN.*
- * Kết nối dữ liệu và triển khai Đề án 06 đạt kết quả thực chất: Ngành Ngân hàng là một trong những lĩnh vực đi đầu trong kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phục vụ xác thực khách hàng, phòng chống gian lận và mở rộng tài chính toàn diện. Nhiều ngân hàng đã ứng dụng định danh điện tử mức độ cao (VNeID) trong quy trình cung cấp dịch vụ.*
- * Ứng dụng công nghệ mới nâng cao hiệu quả và quản trị rủi ro: Các công nghệ AI, Big Data, Cloud, RPA được áp dụng rộng rãi trong chấm điểm tín dụng, cá nhân hóa sản phẩm, phát hiện gian lận và quản trị rủi ro. Nhờ đó, chi phí trên thu nhập (CIR) của nhiều ngân hàng giảm mạnh, chất lượng tài sản và hiệu quả kinh doanh được cải thiện rõ rệt.*

Chuyển đổi số năm 2025 đã giúp ngành Ngân hàng khẳng định vai trò huyết mạch của kinh tế số, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng GDP số, đồng thời tạo nền tảng quan trọng cho giai đoạn phát triển ngân hàng số thông minh, an toàn và bao trùm hơn từ 2026.

VI. TRIỂN VỌNG NĂM 2026

Mục tiêu và định hướng

Quốc hội đã đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2026 từ 10% trở lên, cao hơn mức 8% của năm 2025. GDP bình quân đầu người kỳ vọng đạt 5.400-5.500 USD – tiến gần hơn tới ngưỡng nước có thu nhập cao. Đồng thời, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế vẫn là ưu tiên.

Để hiện thực hóa những mục tiêu tham vọng này, Chính phủ xác định các ưu tiên chiến lược: hoàn thiện thể chế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới (chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn), phát triển hạ tầng chiến lược, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, và bảo đảm an sinh xã hội.

Động lực tăng trưởng dự kiến

***Tín dụng**

Năm 2026, mục tiêu tăng trưởng tín dụng được NHNN công bố vào khoảng 15%, thấp hơn so với năm 2025 (khoảng 19%-20%) và vẫn sẽ có sự điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với diễn biến nền kinh tế.

Về điều hành, tốc độ tăng trưởng tín dụng với các ngân hàng nước ngoài, ngân hàng hợp tác xã và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng sẽ được chủ động kiểm soát. Còn lại, các ngân hàng trong nước sẽ được giao chỉ tiêu ngay từ đầu năm để chủ động kế hoạch kinh doanh.

Với mục tiêu tăng trưởng GDP trên 10%, tín dụng sẽ cần tiếp tục tăng tốc. Nhiều tổ chức phân tích dự báo tín dụng năm 2026 cần phải đạt 20% hoặc cao hơn. Tuy nhiên, điều này sẽ đặt ra hai thách thức (i) *Hệ số LDR có thể tiếp tục tăng, gây sức ép lên thanh khoản và lãi suất nếu huy động vốn tăng chậm* và (ii) *Tốc độ tăng trưởng tín dụng cao có thể ảnh hưởng đến chất lượng dư nợ, đặc biệt nếu nợ nhóm 2 tiếp tục gia tăng*.

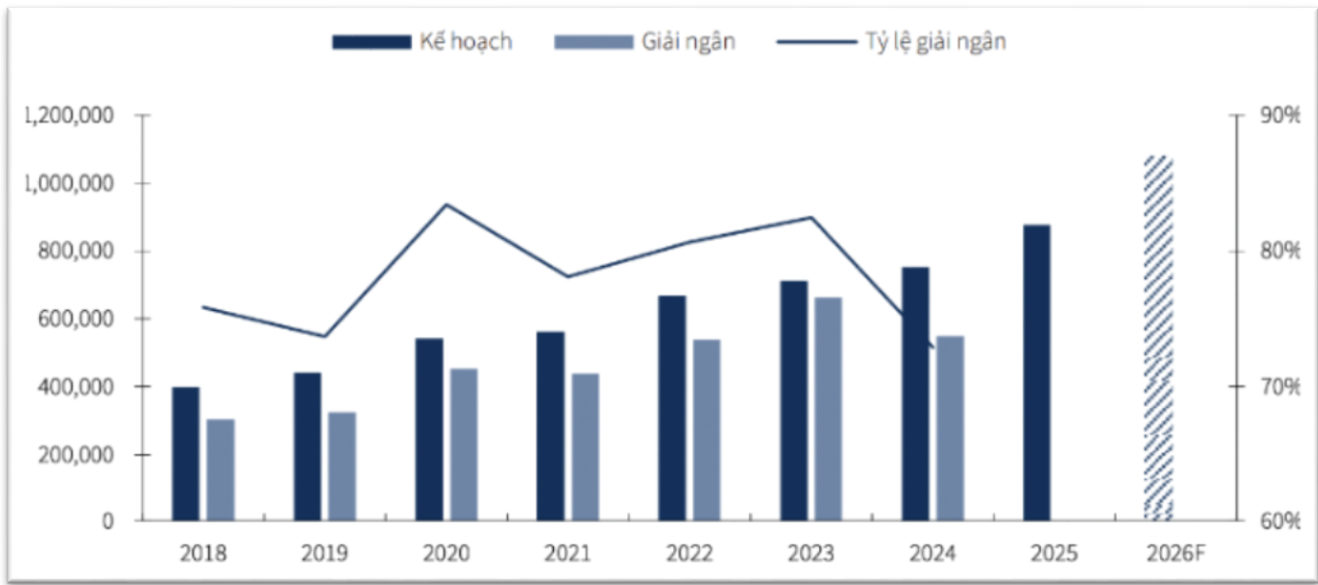
*** FDI - duy trì đà tăng ổn định**

Với vốn FDI thực hiện năm 2025 ước đạt khoảng 27,6 tỉ USD, tăng gần 9% so với năm trước đó - cao nhất trong vòng 5 năm qua. Xu thế này được kỳ vọng duy trì và tiếp tục phát huy trong năm 2026 khi mà các yếu tố hỗ trợ như sự nâng hạng thị trường chứng khoán, các trung tâm tài chính quốc tế được thành lập và cải cách thể chế được tiếp tục đẩy mạnh...

*** Đầu tư công**

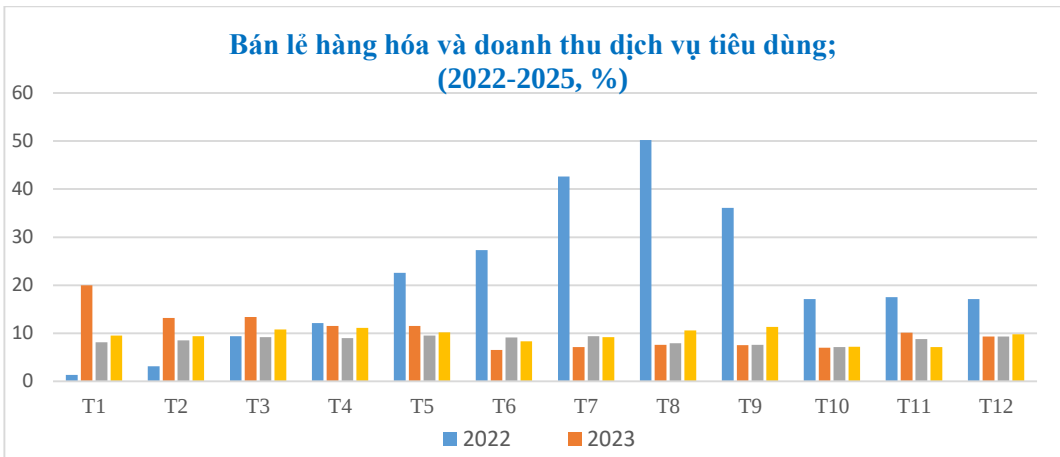
Năm 2026, tổng mức đầu tư công giải ngân được giao 1,08 triệu tỷ đồng - mức cao nhất từ trước tới nay. Với 234 dự án khởi công/khánh thành trong tháng 12/2025 và tổng mức vốn 3,4 triệu tỷ đồng, động lực này được kỳ vọng sẽ tiếp tục, cùng nhiều dự án hạ tầng chiến lược từ đường cao tốc (455 km đã khai thác, 6 dự án mới khởi công), sân bay, cảng biển... sẽ tạo nền tảng vật chất và là động lực thúc đẩy, lan tỏa cho tăng trưởng dài hạn.

Giải ngân đầu tư công 2024-2026



*** Tiêu dùng nội địa - Cần khơi thông**

Năm 2025, tiêu dùng của người dân tăng trưởng chậm hơn kỳ vọng, doanh thu bán lẻ thực tế tăng rất thấp. Đây là một "điểm nghẽn" cần tháo gỡ trong năm 2026. Các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp như tăng lương, giảm thuế, phí, kích cầu tiêu dùng... cần được tiếp tục.



Nguồn: NSO, VNBA tổng hợp

* Chuyển đổi số và xanh

Trong năm qua, Việt Nam tiếp tục cải thiện vị thế: xếp thứ 55 thế giới về Chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu (tăng 2 bậc), xếp thứ 6/40 quốc gia về Chỉ số AI Thế giới, khẳng định tiềm năng và nỗ lực vươn lên trong kỷ nguyên kinh tế số. Nền kinh tế số Việt Nam đang phát triển theo cả chiều rộng và chiều sâu, trong đó các ngành kinh tế số lõi chiếm trên 60%.

Trong bối cảnh này, quá trình chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực sẽ ngày càng được mở rộng, đặc biệt là thương mại, tài chính, dịch vụ hành chính và hạ tầng năng lượng..., tất cả sẽ thúc đẩy quá trình chuyển số trở thành động lực tăng trưởng thực chất trong năm 2026. Sự phát triển của kinh tế số tổng thể sẽ trở lại thúc đẩy phát triển fintech, đầu tư vào năng lượng tái tạo và qua đó sẽ tạo ra những cơ hội phát triển sản xuất, kinh doanh mới cho doanh nghiệp nói chung và các tổ chức tài chính, ngân hàng nói riêng.

Những thách thức và rủi ro

Dù có những triển vọng tích cực, năm 2026 vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro:

- *Kinh tế toàn cầu*: Xung đột địa chính trị, xu hướng bảo hộ thương mại, và biến động tài chính tiền tệ toàn cầu tiếp tục là yếu tố bất định.
- *Thanh khoản hệ thống*: Nếu tín dụng tiếp tục tăng cao nhưng huy động chỉ tăng 14-15% như 2025, khoảng cách rộng thêm sẽ tiếp tục mở rộng, tạo áp lực lên lãi suất và thanh khoản.
- *Lãi suất huy động*: Được dự báo sẽ thiết lập trên mức mới cao hơn (có thể 7-8% cho các kỳ hạn dài), từ đó tác động đến chi phí lãi vay tổng thể.
- *NIM tiếp tục bị ép*: Nếu lãi suất huy động tăng nhanh hơn khả năng tăng lãi suất cho vay, NIM sẽ tiếp tục suy giảm, nhất là đối với nhóm ngân hàng quốc doanh.
- *Nợ nhóm 2 và chất lượng tài sản*: Sự gia tăng nợ nhóm 2 trong năm 2025 cần được giám sát chặt chẽ, với nguy cơ chuyển thành nợ xấu trong 2026.
- *Khoảng cách FDI-DN trong nước*: Trong khi FDI vẫn tiếp tục tăng mạnh, đóng góp của doanh nghiệp Việt Nam vào xuất khẩu vẫn khiêm tốn, thậm chí giảm trong tỷ trọng chung, phản ánh tình trạng tăng trưởng có tính bề nổi, kém thực chất.

VI. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

Về chính sách:

- *Điều hành linh hoạt*: Cân bằng giữa thúc đẩy tăng trưởng (thông qua chính sách tiền tệ nới lỏng) và quản lý rủi ro hệ thống (thông qua giám sát chặt chẽ và can thiệp khi cần).

- *Phát triển thị trường vốn*: Tăng cường phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp, chứng khoán, và các thị trường tiền tệ khác để giảm sự phụ thuộc vào tín dụng ngân hàng.
- *Cải cách quy định*: Hoàn thành việc gỡ bỏ cơ chế "room tín dụng" và áp dụng điều tiết qua chi phí vốn từ năm 2026 như dự kiến.
- *Ổn định tỷ giá*: Tiếp tục sử dụng các công cụ linh hoạt để ổn định tỷ giá, nhất là trong bối cảnh bất định kinh tế toàn cầu.
- *Thành lập Sàn giao dịch vàng*: Khẩn trương hoàn thành lộ trình thí điểm sàn giao dịch vàng để ngăn chặn thị trường chợ đen và kéo giảm mức chênh lệch giá trong nước và quốc tế.

Về hoạt động ngân hàng:

- *Cân bằng tín dụng-huy động*: Các ngân hàng cần thúc đẩy huy động vốn bằng cách cải thiện chất lượng dịch vụ, phát triển các sản phẩm tiết kiệm hấp dẫn, và nâng cao lợi suất cho các khách hàng cá nhân.
- *Quản lý chặt chẽ NIM*: Khi lãi suất huy động tăng, các ngân hàng cần tối ưu hóa cơ cấu danh mục cho vay, tăng tỷ trọng bán lẻ (lãi suất cao hơn), và phát triển các nguồn thu ngoài lãi (dịch vụ, kinh doanh ngoại hối...).
- *Giám sát nợ nhóm 2*: Cần chú ý vấn đề xử lý nợ nhóm 2 trước khi chuyển thành nợ xấu, thông qua tái cơ cấu, gia hạn có điều kiện, hoặc thực hiện các biện pháp thu hồi mạnh mẽ.
- *Tăng cường an toàn hệ thống*: Hoàn thành các yêu cầu Basel III, nâng cường vốn điều lệ, và áp dụng các chuẩn mực quản lý rủi ro quốc tế.
- *Phát triển các sản phẩm mới*: Tập trung vào tài chính xanh, fintech, các sản phẩm bảo hiểm liên kết, và các dịch vụ tài chính, ngân hàng đem lại nhiều giá trị gia tăng hơn.

Năm 2025 là một năm bước ngoặt với nền kinh tế nói chung và với ngành Ngân hàng Việt Nam nói riêng. Quá trình phục hồi và tái cân bằng của năm 2025 sẽ là cơ sở để hướng đến mục tiêu tăng trưởng cao và những thành quả tốt đẹp hơn trong năm 2026.

Hệ thống ngân hàng đã chứng minh khả năng tăng trưởng mạnh mẽ, lợi nhuận duy trì tăng, cùng với sức chống chịu của nền kinh tế được đánh giá cao. Những cải cách thể chế từ tiệm cận các chuẩn mực Basel III đến thiết lập trung tâm tài chính quốc tế đã, đang và sẽ tạo nền tảng vững chắc cho phát triển trong tương lai.

Tuy nhiên, còn đó những thách thức ngắn hạn, cấp thiết như sự mất cân đối giữa tín dụng và huy động; NIM suy giảm xuống mức thấp nhất kể từ 2018; nợ nhóm 2 gia tăng âm thầm..., đặc biệt hệ số tín dụng/GDP đã lên tới 146% - mức cao nhất trong khu vực, cần sự quan tâm triệt để trong năm 2026.

Để đạt mục tiêu tăng trưởng GDP trên 10% trong năm 2026 mà vẫn duy trì ổn định hệ thống, cần thiết phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp:

- *Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh quốc tế nhiều biến động;*
- *Tiếp tục nới lỏng tiền tệ một cách có kiểm soát;*
- *Phát triển mạnh các thị trường vốn khác để giảm phụ thuộc tín dụng;*
- *Tháo gỡ các điểm nghẽn cấu trúc, đặc biệt là giới hạn huy động vốn và chi phí lãi vay cao;*
- *Giám sát chặt chẽ chất lượng tài sản và quản lý rủi ro hệ thống.*

Với những nỗ lực này, ngành Ngân hàng Việt Nam hoàn toàn có thể đảm đương vai trò "huyết mạch" của nền kinh tế, góp phần đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới với tốc độ tăng trưởng cao, bền vững và bao trùm./.

Báo cáo này sử dụng thông tin, dữ liệu từ nhiều nguồn chính thống và tin cậy trong và ngoài nước như IMF/WB/OECD/Bloomberg và NHNN, BTC, MOC, VGP, VIS, Widata, FiinGroup...